

BẢN LUẬN 7

Trong “Túc tác nhân”, văn có năm đoạn, rộng nói như trong kinh, là như nói: “Phàm tất cả Sĩ phu Bồ-đặc-già-la của các thế gian, chỗ thọ đều do Túc Tác làm nhân, do siêng năng và tinh tấn mà tiêu trừ nghiệp cũ, hiện tại nghiệp mới do không bị hại của Tác nhân, như vậy về sau không bị Hữu lậu trở lại, do Vô lậu cho nên nghiệp hết, do nghiệp hết cho nên Khổ tận, do Khổ tận cho nên được chứng Khổ biên. Những câu này đều là văn gốc trong kinh Phật. Đoạn văn trình bày tông kia, hiện tại trong luận này hợp chung làm tám câu, nhưng tản mác các đoạn văn giải thích, phải tìm văn này để biết ý luận. Hiện tại nghiệp mới do chỗ hại của Bất tác nhân, là Khổ hạnh của ác nghiệp đời trước, liền trừ ác nghiệp mới hiện tại, do không tạo tác, cái hại đó không khởi, hai nghiệp đã tận thì về sau không có Hữu lậu, vì thuần là thiện cho nên nói về sau Vô lậu. Do nghiệp tận cho nên Khổ tận, là chỗ làm của Tác nhân đời trước và phương tiện của Hiện pháp. Chỗ chiêu cảm khổ não, là khổ não hiện tại đều do Tác nhân đời trước, hiện tại làm ác không chiêu cảm khổ hiện đời, là do sức phương tiện làm ác hiện tại mà nghiệp liền thành thực, cho nên luận nói đến Hiện pháp phương tiện không phải là ác hiện tại riêng chiêu cảm khổ hiện tại. Vô tà ngoại đạo, tức là Ni-kiền-đà-phất-đát-la. Thành Duy Thức ghi: “Vô tà ngoại đạo là Ly hệ tử, loã thể khổ hạnh, lìa các trói buộc, ngoại hình đã như vậy, thì bên trong cũng vậy. Nếu dùng Túc tác làm nhân, thì chỗ nói đầu tiên của ông là do siêng năng tinh tấn mà trừ nghiệp cũ. Chữ “đẳng” trong đây có ý nói tất cả ác nhân đều là Túc tác”. Tại sao nói hiện tại nghiệp mới do chỗ hại... của Bất tác nhân? Vì nghiệp mới cũng làm ác không phải là Túc tác. Lượng rằng: “Hiện tại ác nhân đối với thân này có thể chiêu khổ, vì ác nhân nhiếp, như ác nhân đời trước”. Hoặc lại có chỗ sinh... của Khổ tạp nhân, là nhờ thiện nghiệp trước kia mà được hầu cận quân vương, tà sự làm nhân thì chiêu khổ ngược lại, quả của hai nghiệp đã chín cho nên gọi là Tạp nhân, không phải hai nghiệp cùng chiêu một quả; hoặc là nghiệp cũ phải chiêu khổ não, vì tà niệm hầu cận quân vương, nghiệp cũ liền thành thực, gọi là Tạp nghiệp. Như phụng sự đối với vua như vậy, do các nghiệp ngôn thuyết, thương mại... nếu trước kia tạo thiện nghiệp thì phải được giàu có tài sản, nói dối mà được châu báu, hai nghiệp đồng thời thành thực, gọi đó là Tạp nhân. Như vậy do trước kia đạt được tài sản thiện nghiệp, thì hôm nay lẻ ra thành thực giả hiện làm nông nghiệp, hoặc giả làm cướp trộm, hoặc giả làm đồ tể

mà liền được giàu vui cũng gọi là Tạt nghiệp. Có người tuy có nghiệp thương mại... cho đến đồ tể, mà không được giàu có, là vì trước kia không tạo được quả phước thiện, như chỗ tạo các nghiệp mới, dẫn vào Hữu nghiệp khác, tức là thuận theo hiện tại mà thọ nghiệp. Nuôi dưỡng cha mẹ... cho đến công xảo nghiệp mà hiện tại đạt được châu báu đều toàn là nghiệp hiện tại.

Trong “Tự tại đẳng tác”, vẫn có bốn đoạn, trình bày Sĩ phu trong tông, tức là Bồ-đặc-già-la trượng phu, tức là Thần ngã, vì có thể tạo tác. Tự tại đẳng, Tự tại tức là Đại tự tại thiên... là chỗ nói trong Tụng của Duy Thức: “Thời, Phương, Bản tế, hư không, Ngã... của Đại phạm”. Công năng không có Thể tánh, là vấn nạn lý của công năng kia không thành thực, gọi là không có Thể tánh. Hiển Dương luận quyển 14 lại có Chuyển kế, văn dài nên không thuật ra. Nếu hữu dụng thì dụng đó không tự tại, nhưng đối với thế gian thì có tự tại. Dụng là tự tại, là chỗ tác dụng cần thiết. Lại như trời người có Diệu dụng, có thể nói là hữu dụng, đối với ba đường ác... các dụng cụ vô dụng, những thứ này hiện tiền. Như thế nào là tự tại? Vì đối với Địa ngục... không cần tự tại hiện tiền. Nếu vô dụng, thì đối với Tự tại thiên đều không có chỗ cần thiết, sinh thế gian thì đó là Tự tại, nhưng có lỗi si cuồng, ngu xuẩn, cho nên không phải đạo lý. Nếu người chỉ dùng Đại tự tại làm nhân, thì Đại tự tại thiên đã có từ vô thủy, tuy ra khỏi Sở sinh nhưng pháp cũng không phải mới thành, không phải Tự tại thiên có thể sinh các pháp, như hai sừng của con trâu đồng thời sinh ra, một quả một nhân thì liền trái chánh lý, cho nên Hiển Dương quyển 14 ghi: “Như Thể của Tự tại xưa nay thường có, thế gian cũng vậy, không nên sinh trở lại vì đồng thời có cho nên vô dụng mới sinh”. Nếu nói cũng lấy các Thiên khác làm nhân, thì nhân này bất khả đắc, Hiện lượng và Tỷ lượng cùng với nhân này không có, như sừng thỏ, cho nên không có riêng. Có khi khởi thiện hoặc bất thiện, có khi có Lạc dụng, hoặc có khi không có Lạc dụng, cho nên không phải Tự tại. “Giả sử có nhân” trong Hiển Dương luận quyển 14 ghi: “Nếu cũng nói ít chớ các nhân khác, là chớ chớ nhân này, nếu không có nhân thì tất cả thế gian cũng phải như vậy, nếu có nhân khác thì thế gian cũng vậy, từ nhân khác mà sinh, đâu cần tự tại”. Luận đó lại có trình bày, sợ dài dòng cho nên không nói.

Trong “Hại làm chánh pháp”, vẫn có năm đoạn, đoạn thứ năm là mở Chánh nghĩa, còn lại bốn đoạn cũng như trước.

Năng tự, là người hay sát sinh cúng tế; chỗ hại, là chỗ dùng để tế tự; chỗ hại sinh mạng, là các Trợ bạn, những người trợ cúng tế. Nếu là

pháp Tự thể, là lia sát sinh kia thì không thể chiêu cảm được quả Sở ái của tự mình. Chú thuật sát sinh, nếu là chánh pháp thì phải lia sát sinh, chú thuật này phải riêng nó có thể chiêu cảm quả Khả ái. Tự nó đã có thể chiêu cảm, thì đâu cần mượn sát sinh? Nếu lia sát sinh là tự nó không thể chiêu cảm, thì làm sao chuyển sát sinh phi pháp kia để thành chánh pháp, tương lai cảm được sinh quả Khả ái. Nếu có thể dứt, là không có Xứ, không có Thời, không có một người nào... Nếu chú thuật sát sinh có thể dứt tham sân... là không thấy tất cả Xứ của mười phương, cũng không thấy tất cả Thời của ba đời. Có một người nọ dứt tham sân... thì lý và lượng đã không thấy, tại sao nói người đó có thể dứt trừ? Nội chú của Phật pháp, theo lý có thể dứt độc tham sân si. Nếu người hành khắp thì tự chỗ thân ái không dùng cúng tế trước, Chú này nếu giết khắp tất cả chỗ sinh. Hành pháp làm chánh pháp, là chỗ thân ái của ông, chỗ nào không trước hết sát sinh để cúng tế chư Thiên! Nếu không khắp, thì Chú có thể bất định vì trái với Tỷ lượng, hoặc có bất biến. Nếu chuyển nhân đối với quả không có công năng, là do Chú hành sát sinh, thì chỉ chiêu cảm nhân tội của chỗ sát sinh... không chiêu cảm quả tội. Lại nữa, Tỷ lượng chuyển và không chuyển trái nhau, nếu cũng chuyển quả thì đáng lẽ cũng như chuyển biến, do hành Chú sát sinh, trong tương lai có thể biến ác sắc của dê... khiến cho thành Diệu sắc, thì cũng đáng lẽ hiện tại do lực của Chú Thuật không giết hại mạng dê, tức là khiến cho chuyển đặc thân khả ái của chư Thiên, đâu cần mượn nhờ giết hại nó, sau đó khiến cho xả thân dê rồi mới lấy được thân chư Thiên? Điều này so sánh có thể biết.

Trong phần tổng kết có năm chữ “cố”: Nhân cố, là kết sự cố của pháp và phi pháp trước với nhân quả sau. Thí dụ cố, là kết thí dụ sự cố hàng phục Độc chú. Bất quyết định cố, là kết sự cố Biến và Bất biến. Hai chữ “cố” còn lại có thể hiểu. Hoặc tự chỗ không Dục của nghiệp, là tự không Dục lạc, chỉ vì người khác mà làm, gọi là phi pháp, Bồ-tát nếu xả bỏ thê tử, trước hiểu rõ sau mới chuyển xả thì không được bất thiện. Vua xả bỏ chú thuật, vì làm mà không thật, làm tổn người khác là Bất thiện. Nếu tự tánh của thân ngữ nghiệp Vô ký, thì Bất thiện tư duy phát sinh gọi là phi pháp; hoặc nói bàn nghiệp của tất cả tự tánh Vô ký không thuận đạo lý, gọi là phi pháp. Đoạn luận về Biên, Vô biên, văn cũng có bốn đoạn, đều dựa vào Tính lự tức trụ thông, sau đó mới khởi Biên, Vô biên kiến này. Nếu dựa vào Biên tế đoạn mà mong cầu Biên tế thời gian của thế giới, thì đây là quán Hoại kiếp khi gián đoạn, không thấy Thành kiếp sau đó, thì liền khởi Biên tưởng, không phải

Ngã sinh sau, cho nên không phải Biên kiến. Nếu khi thấy Thành kiếp mà không thấy Hoại kiếp thì khởi Vô biên tưởng. Nếu dựa vào mười phương chu biến mà rộng cầu thời gian, thì đối với các chỗ trên dưới mà thấy Cực biên tế, khởi cũng là Hữu biên tưởng, bên cạnh vận thân thông đến một hai ngàn cõi, không quá ba ngàn cõi nghĩa là đến vô biên khởi cũng không có biên tưởng, bởi thần cảnh trí thông của dị sinh không vượt quá ba ngàn cõi. Nay nói vô biên là chỉ vọng đến một, hai ngàn cõi, không vượt quá ba ngàn, cũng không được Biên tế. Quyển 87 nói cùng với đây không đồng, quyển đó ghi: “Nếu có khi ức niệm phần vị của Thành kiếp thì lúc đó liền sinh ba thứ vọng tưởng: Hoặc một mực nhớ nghĩ Biên tế trên dưới, trụ trong Hữu biên tưởng; hoặc một mực nhớ nghĩ bên cạnh Vô biên tế, trụ ở Vô biên tưởng; hoặc trên dưới bên cạnh cả hai đều song song khởi niệm cũng là Hữu biên tưởng cũng là Vô biên tưởng; hoặc có khi ức niệm phần vị của Hoại kiếp, mà khởi Phi hữu biên tưởng và Phi vô biên tưởng, vì các Khí thể gian là vô sở đắc, mỗi mỗi đều khởi lên một chấp, cũng không có trái nhau, đều là Biên và Vô biên này nhiếp.

Trong Phá, không phải thế gian trụ niệm biên của thế gian không đúng lý, là từ trước đã hoại, không có thế gian, liền nói là Biên, thì ngoại đạo của ông không trụ thế gian, vì không biết hiện tại có thế gian, vì trụ thế gian, trụ niệm thế gian cho nên không đúng đạo lý.

- Trong “không chết mà trị loạn” có ba đoạn:

1. Trình bày chấp.
2. Chỉ điểm kinh.
3. Tổng kết lỗi.

- Trong trình bày chấp có ba đoạn:

1. Nêu.
2. Giải thích nghĩa không chết mà trị loạn.
3. Trình bày bốn kế chấp.

Quyển 87 ghi: “Có hai Tịnh thiên: một là Bất thiện thanh tịnh, chỉ được Tịnh định; hai là Thiện thanh tịnh, là chứng đắc Thánh tịnh định.

Vô loạn cũng có hai thứ:

1. Vô tướng vô phân biệt, tức là Thiện thanh tịnh thiên.
2. Hữu tướng hữu phân biệt, tức là Bất thiện thanh tịnh thiên.

Thiện thanh tịnh thiên trong bất tử của tự nó, không có loạn mà chuyển, cho nên nói là Bất tử vô loạn. Thức đạt sự nghĩa không xứng với bất tử, vì cũng thật là Bất tử. Bất thiện tịnh thiên có nương vào Bất tử vô loạn ở trước, bị chất vấn liền nương vào sự khác, mà tránh chữ

Kiểu loạn (trị loạn), tự mình cũng xưng là bất tử, vì Thiên không có loạn. Hiện tại trước chữ Kiểu thêm chữ bất tức là Bất tử bất kiểu loạn, bây giờ lại lược nói, chỉ gọi là Bất tử kiểu loạn, đều rộng như chữ Bất tử bất kiểu loạn kia, không phải chỉ tự xưng “chỗ phụng thờ chư Thiên của ta gọi là Bất tử”. Thuận thiên đáp vấn của Thiên gọi là câu đáp Vô loạn. Trong Phật pháp “thấy Thánh đế”, là Bất tử bất kiểu loạn môn, cho nên cũng gọi là Bất tử bất kiểu loạn. “Tăng thượng sinh đạo”, là Thắng nhân của trời người quyết định là Thắng đạo; Thắng nhân của Niết-bàn, thì bốn Đế là Cảnh của Thắng nhân này, nếu có ai nương vào đây mà hỏi, thì liền tự xưng rằng: “Bất tử loạn là chỗ phụng thờ Bất tử tịnh thiên của ta, ban lệnh cho ta, nếu có người đến hỏi thì không nên chánh đáp, nếu đáp thì lỗi sinh, chỉ nên tùy theo câu hỏi mà sinh ra câu đáp khác”.

- Trong trình bày kế chấp có hai đoạn:

1. Lược nêu.
2. Giải thích lại.

Y theo kinh A-hàm thì bốn câu hỏi đáp đều khác, ở đây thì đều đồng, nhưng Tình thì có khác:

1. Chưa khai ngộ thì không thể chánh đáp.
2. Cao mạn đối với sở chứng, là cho rằng Thắng đạo cho nên khinh miệt người khác mà không đáp.
3. Tuy ít hiểu do chưa quyết định biết.
4. Tánh chậm lụt yếu kém mà không thể chánh đáp.

Lại nữa, “kinh sợ vọng ngữ” trở xuống, giải thích lại câu hỏi trước, cùng với quyển 87 đồng. “Kinh sợ vọng ngữ”, là tự mình chưa khai ngộ, mà đáp cho người khác xứng chỗ hiểu của mình, cho nên thành vọng ngữ, nếu không xứng chỗ hiểu thì người khác biết ta là không hiểu biết.

Thứ hai, “đối với chỗ chứng của tự mình chưa chứng đắc mà không kinh sợ..”, là người đó khởi tư duy như vậy: “Ta đối với chỗ chứng chưa chứng đắc mà không kinh sợ, nếu người khác chất vấn, hoặc nói có, hoặc ghi chép sai khác, thì liền thành vọng ngữ. Nếu cho là thật có, hoặc thừa nhận không phải có, thì liền thành Tà kiến, không phải Tịnh thiên của ta, tất cả sự ẩn mật đều không thể ghi chép riêng, cho nên không thể phân minh mà nói có chỗ chứng”.

“Thứ ba, tuy ngộ mà chưa quyết định, sợ Tà kiến vọng ngữ, căn cứ theo đây mà biết. Ba loại trên đây là mượn Sự để giải thích Kiểu loạn”.

Thứ tư, là không biết thuận theo câu nói mà đáp nghịch lại câu hỏi, như hỏi rằng: “ông muốn gì?”, nếu thuận theo câu nói Kiểu loạn, thì câu đáp này đều là Tán vị, không phải nương vào Định tâm.

Phần tổng kết thì lấy Siểm khúc, (lời nói quanh co) thì thuận với Thiên kia, siểm nịnh tùy nhau mà đáp.

Trong “Vô nhân kiến”, văn cũng phân làm bốn đoạn, Kiến này thì có hai thứ:

1. Nương Tĩnh lự.
2. Nương Tâm tứ.

“Nương Tĩnh lự”, một là từ Vô tướng thiên chết rồi sinh lại cõi này, chứng đắc Túc trụ thông, chỉ nhớ lại sự xuất tâm đó, không nhớ lại địa vị trước, vì không biết Vô tướng thiên kia, liền chấp là không có nhân. “Nương Tâm tứ”, nghĩa là trong văn đã tự nói. “Hoặc nhớ nghĩ tự ngã, chấp Ngã trước kia không có, sau đó bất chợt mà sinh. Không đúng lý nghĩa là họ chấp Ngã là Thường, cho rằng không do nhân mà khởi, là trái với Thế pháp, vì tánh không có nhân của Thế pháp là chẳng phải Thường.

Trong phần “đoạn Kiến”, văn cũng có bốn đoạn, tức là luận về bảy Đoạn diệt: “Ngã có thô sắc, là thân Sở tạo của bốn Đại...”, đây là Đoạn sau khi chết thứ nhất, sáu Đoạn còn lại như trong văn. “Nếu Ngã sau khi chết rồi thì có thân trở lại, đáng lẽ không tạo nghiệp mà chứng đắc quả”, đó là chấp khi thân hiện tại khi chết rồi thì nghiệp tùy theo thân mà diệt, sau đó nếu có thân thì đáng lẽ là Bất tác nhân mà được quả khởi, nếu quả khởi, thì liền có Bất tác mà bị mất quả. “Nếu Thế tánh của Ngã tất cả vĩnh viễn không có, thì đáng lẽ không có người thọ nghiệp quả”, là không thể nói rằng vị lai không có, vì hiện tại cũng không có, nhưng hiện tại đã có, do đó không thể Ngã tất cả đều vĩnh viễn không có, cho nên Thế tánh của Ngã hiện tại vẫn đang có; trong đời vị lai tất cả vĩnh viễn không có, thì đáng lẽ không có thọ nghiệp Dị thực, do đó thành Đoạn diệt. “Nếu nói Uẩn đoạn diệt”, là người kia thừa nhận Uẩn vô thường, đã thừa nhận Vô thường thì hiểu rõ không phải Đoạn diệt. Lượng rằng: “Chưa chứng đắc A-la-hán thì các Uẩn sau khi chết đều không đoạn diệt, vì thừa nhận Vô thường, như địa vị của đời trước. “Nếu nói Ngã đoạn, thì chỗ nói trước hết của ông là thô sắc bốn Đại”, đã là Ngã đoạn thì trước hết nói thân thô sắc bốn Đại tạo, có bệnh ung thư... sau khi chết thì đoạn diệt, mà trở thành trái nhau, vì chỗ nói Sắc... các Uẩn không phải Ngã. Thân tứ đại... tức là Uẩn, bốn xứ Vô sắc riêng cho là Niết-bàn thì cõi Sắc càng đồng tổng hợp làm một, trời

người cõi Dục riêng mở làm hai, cho nên thành bảy Đoạn diệt. Hai Vô nhân kiến và bảy Đoạn này càng phải có nhiều thô loại mà luận, chỉ phân hai, bảy, không phải đối với các luận khác. Vô đoạn, Vô nhân, bảy Đoạn trong đây và bốn mươi Thường đều là Biên kiến.

- Trong phần luận về Không kiến, văn phân làm sáu đoạn:

1. Nêu ngoại đạo Chấp.
2. Vi.
3. Trình bày.
4. Chất vấn nội đạo chấp.
5. Trình bày chấp.
6. Phá.

- Trong “Nêu ngoại đạo chấp” thứ nhất có sáu đoạn:

1. Không có bố thí và ái dưỡng mà cúng tế.
2. Không có diệu hạnh, ác hạnh và quả Dị thực.
3. Không có thế gian này, không có thế gian kia.
4. Không có mẹ, không có cha.
5. Không có hữu tình hóa sinh.
6. Không có chân A-la-hán của thế gian.

“Bố thí, ái dưỡng và cúng tế”, như thứ tự ba loại phước điền sai biệt là Bi điền, Ân điền và Kính điền, hoặc loại thứ nhất là thực hành tuệ rộng khắp, loại thứ hai là hiện tiền Kính ân điền, loại thứ ba là không hiện tiền Kính ân điền sai biệt. Nếu có nhân của nó thì có thể có quả của nó, nhân đã không có thì quả cũng quyết định không có. “Chúng sinh lìa Dục sinh các Địa dưới”, là nếu đã lìa Dục thì khỏi phải sinh xuống, nhưng hiện tại đã sinh xuống Địa dưới thì biết rõ không từ đời kia sinh lại đời này.

Trong “không có hữu tình Hóa sinh”, hoặc sinh Vô tưởng, hoặc sinh Vô sắc..., đây là thiếu phần Tà kiến, không thấy tương lai, ba chỗ sinh này bày bác Hóa sinh không có, nhưng không bài bác tất cả, vì thấy Địa cõi dưới. Nếu như không thấy có thế gian, cũng không có thiếu phần nào mà không bác tất cả. Quan sát ý văn này, là một thời kỳ Vô tâm của Vô tưởng thắng sinh, thì thô tâm kia không thấy, liền cho là không có. Tám quyển sau nói Trung hữu làm hữu tình Hóa sinh, Định tâm và Tán tâm quan sát nó có khác nhau, Định tâm này quán thì không bác Trung hữu, Tán tâm kia quán thì bác Trung hữu. Quyển 58 ghi: “Không có ba thứ Thí, Giới, Nhẫn thì gọi là phỉ báng nhân, không có diệu ác hạnh thì gọi là phỉ báng nhân; không có hai thứ nghiệp quả và Dị thực quả thì gọi là phỉ báng quả; không cha không mẹ, không

có hữu tình Hóa sinh, không có chân A-la-hán thì gọi là hoại sự thật”. Quyển 55 ghi: “Không có Thí... cho đến không có ác hạnh thì gọi là phỉ báng nhân, không có nghiệp quả Di thực của diệu hạnh ác hạnh thì gọi là phỉ báng quả, không có thế gian này cho đến không có hữu tình Hóa sinh thì gọi là phỉ báng Tác dụng, không có chân A-la-hán thì gọi là phỉ báng sự thật”. Trong các quyển đó đều tự giải thích nguyên nhân, cùng với Đối Pháp luận quyển 1 gọi là phỉ báng nhân thì đồng. Trong luận này thì không câu thúc nhân quả, chỉ riêng phân tán trình bày, cùng với các luận kia không trái nhau, nhưng hai luận kia thì trái nhau, như Đối Pháp giải thích.

Trong phần thứ tư “chất vấn nội đạo chấp”, không có Thể tánh của tất cả các pháp, là Tà kiến của ngoại đạo ở trước là chỗ không có của cái không riêng biệt, hiện tại Không kiến của nội đạo là tổng bác tất cả, cho nên bây giờ là tổng chất vấn.

Trong “trình bày chấp” thứ năm có hai phần:

1. Nắm lấy pháp tướng tự sâu xa là ngôn thuyết, tức là mật thuyết Không giáo của Bát-nhã... vì không thể giải thích, mà đem ra để hiển rõ, bác tất cả đều là Không.

2. Dựa vào pháp tướng mà không như lý tư duy, vì không thẩm sát tư duy, cho nên liền bác bỏ các pháp.

Trong “Phá” có hai đoạn là biệt phá và tổng kết. Trong Biệt phá có hai thứ:

1. Bốn lớp phá Không kiến của ngoại đạo.

2. Phá Không kiến của nội đạo.

“Bốn lớp phá Không kiến của ngoại đạo”, là trước đã nêu ngoại đạo chấp có sáu thứ, ba chấp đầu hợp chung làm một môn để phá, ba chấp sau mỗi mỗi phân riêng từng một môn để phá. “Nếu đồng thời có thì chỗ nói trước của ông không có bố thí, không có bình đẳng”, là các sư kia vốn kế chấp, không bác bỏ hoàn toàn là không có, vì nhân đó cùng với quả nương vào Tính lực, thấy thế gian hành bố thí mà sinh vào nhà bần tiện, cho rằng bố thí không có khả năng, liền thiếu phần hủy báng, cho nên hiện tại chất vấn người kia sinh hai nghiệp sau là Câu (đồng thời) hay Bất câu. “Nếu ngoại đạo kia hoàn toàn bác không có tất cả”, thì vấn nạn này không thành. “Lìa tướng dục”, là lìa các Dục của Hữu tướng, tức là Vô tướng thiên, còn lại hai cõi thì lần lượt lìa Dục của cõi Sắc và nhập Niết-bàn. Sư kia kế chấp có lìa Dục của cõi Dục, không thừa nhận đã có lìa Dục của các Địa trên; từ Tam định trở xuống, các sư kia nói chẳng phải không có, chỉ riêng bác các chỗ không có khác, thì

liền trái nghịch với Tỷ lượng.

“Vì có tánh A-la-hán mà đối với tánh đó khởi Tăng thượng mạn”, ý này hỏi rằng: “Vì thế gian có chân A-la-hán, mà khởi Tăng thượng mạn, tự cho mình là A-la-hán”. Có tánh này hay là không có? Nếu có, thì không có chân A-la-hán, không thành A-la-hán; nếu không có chân A-la-hán, là khởi điên đảo chấp, tự cho mình là A-la-hán, xứng đáng là A-la-hán! Bất đảo đã không phải là người điên đảo, thì xứng đáng là Chân.

Trong “phá nội Không kiến”, đáng lẽ không có chỗ chấp điên đảo, chỗ nhiễm Y tha, và chỗ Tịnh viên thành. Lại nữa, trong điên đảo loạn tâm, thì Nhiễm là ba thứ tạp nhiễm, Tịnh là hai thứ tịnh. “Đã ở trong Thắng nghĩa thì đều không có điều này”, là không có sinh tử, cũng không có Niết-bàn, mừng cái gì, chán cái gì, chứng đắc cái gì, xả cái gì, như Duy Thức... và luận này trình bày, đều như lý mà hiểu.

Trong phần tổng kết có năm chữ “cho nên”, bốn chữ trước là kết phá ngoại đạo, một chữ sau là kết phá nội đạo.

Trong “vọng chấp tối thắng”, văn cũng có bốn đoạn. “Bà-la-môn là người Bạch tịnh chủng”, là không phải Bạch sắc. “Có thể chứng đắc thanh tịnh”, là tu hành khiết giới có thể được Tịnh. “Sinh từ miệng bụng của Phạm vương”, là vãng theo giáo mà sinh, vì gần gũi chỗ sinh; Sát-đế-lợi được sinh ra từ đầu gối của Phạm vương; Phệ-xá... là sinh từ bàn chân. “Vì thấy chân Bà-la-môn tánh của thế gian đầy đủ giới luật”, thấy nội đạo xuất gia chân tịnh tu hành, nêu ra luật, trì giữ giới, tịnh tu Phạm hạnh, các Luật sư... là chân Bà-la-môn. Phệ-xá kia tham danh lợi và phướng tiện cung kính mà khởi kế chấp như vậy.

Trong Biệt phá có mười, vì căn cứ theo trong kết sau có mười đoạn.

1. Sản sinh đồng, đâu phải chỉ riêng Bà-la-môn kia là thù thắng!

2. Tác nghiệp đồng với tất cả chỗ còn lại. Nếu chỉ riêng Bà-la-môn kia thù thắng thì rất trái với chánh lý.

3. Trong Thọ sinh, “nếu ba Xứ hiện tiền là bỉ hay là thử...”, là trong quyển 1 trước ghi: “Một là Câu khởi ái nhiễm, hai là điều hoà thích hợp thời, ba là Trung hữu hiện tiền. Hiện tại là bỉ là thử, tức là cha mẹ trước đồng thời có Nhiễm tâm. “Do bỉ”, tức là mẹ điều hoà thích hợp đúng thời. “Do thử”, tức là Kiện-đạt-phước đang hiện tiền. Các Bà-la-môn và các luận khác đều đồng điểm này, lẽ nào Bà-la-môn lại thù thắng hơn chỗ khác nữa!

4. “Nếu Công xảo nghiệp xứ, hoặc Tác nghiệp xứ, hoặc thiện

hoặc bất thiện”, là khởi Sinh nghiệp của thế gian, hoặc thiện bất thiện tất cả đều đồng, lẽ nào thù thắng hơn loại khác.

5. Tăng thượng, “hoặc vua, hoặc tôi, hoặc cơ biến, hoặc thành công tăng tiến mãi túc”, là hoặc làm vua, hoặc làm tôi, hoặc cơ biến phân rõ thành công nhanh chóng, hoặc đạo vị tăng tiến, vì cùng với các loại khác đều đồng.

6. Hoặc làm Vua thì lãnh trông coi tất cả.

7. Hoặc đã tu Phạm trụ rồi. Phạm trụ là bốn Vô lượng.

8. Hoặc tu Bồ-đề phần.

9. Hoặc ngộ Bồ-đề của Thanh văn.

10. “Lại nữa, điều ông muốn là gì?” trở xuống, là giới và văn thù thắng. “Nếu người nào từ chủng loại thù thắng mà sinh, thì trong luận của ông nói hoặc giới, hoặc văn... thù thắng trong sự cúng tế, lấy đó làm Lượng...” là trong luận đó ghi: “Khi cúng tế, đọc tế văn, hoặc trì giới, hoặc đa văn, lấy đó làm Lượng, khiến cho sự đọc tế văn không nắm giữ quy tắc, nếu lấy chủng loại thù thắng thì liền trái với lời nói này, không giả mượn có giới mà đọc tế văn.

Trong “vọng chấp thanh tịnh”, văn cũng có bốn đoạn. Trong đoạn trình bày thứ nhất có ba phần:

1. Năm Hiện pháp Niết-bàn.

2. Riêng trình bày Thủy... thanh tịnh.

3. Trì các giới khác... thanh tịnh.

Trong năm Hiện pháp, thứ nhất là Thọ thiên dục trần, bốn pháp sau là Hiện pháp lạc trụ, gọi là năm Niết-bàn, dẫn Định tại thân, lìa Dục ác pháp, chứng đắc Định hỷ lạc cho nên gọi là Hiện pháp Niết-bàn. Dục của người... yếu kém cho nên không kiến lập. Từ trên đến đây, chỗ nói bốn Hữu biên, bốn Bất tử kiêu loạn, hai Vô nhân và năm Hiện pháp Niết-bàn này, như vậy mười lăm luận này đều thuộc về Tà kiến, trước nói Biên kiến, gồm chung bốn mươi bảy loại, cộng chung thành sáu mươi hai Kiến, thuộc Tà kiến và Biên kiến, Ngã kiến làm gốc, Kiến thủ và Giới cấm thủ làm Trụ bạn phát sinh, cho nên Đối Pháp luận ghi: “Sáu mươi hai Kiến trong năm Kiến, hoặc hai hoặc tất cả trì. Giới “dầu mực” nghĩa là dầu hoà với mực của nó thoa lên thân làm giới. Giới “giữ tro” là lấy tro thoa lên thân, người kia cho rằng sẽ chứng đắc các tự tại tùy ý. Đây là tổng kết. Những gì là tự tại? Một là Dục tự tại, tức là tâm trước tự tại, là diệu dục của chư Thiên, cảnh tùy ý sử dụng. Quán hạnh tự tại, tức là Quán tự tại, là bốn Tĩnh lự tự tại. Hợp chung gọi là năm Hiện pháp Niết-bàn. “Lại nữa, ví như có một người tự làm khổ thân cho

nên tự làm ác để giải thoát”, tức là trong quyển 2 ở trước nói, vào trong các sông, tắm gội cho thanh tịnh. “Hoặc tạo tội lỗi ác, làm ác để giải thoát”, tức là trong quyển 3 trước nói trì Cầu giới, ăn phần, uống nước tiểu, hành các ác sự, tội ác tiêu diệt, tùy theo chỗ làm các sự của loài chó trâu... mà đều học theo, gọi là trì các giới kia.

Trong Phá có bốn chữ “lại nữa”, phân làm ba đoạn:

1. Đoạn thứ nhất là một chữ “lại nữa”, phá năm Niết-bàn.
2. Đoạn thứ hai là một chữ “lại nữa”, phá kế chấp Thủy tịnh.
3. Đoạn thứ ba là hai chữ “lại nữa”, phá Cầu giới...

Đoạn văn thứ nhất có hai phần, là thọ Diệu cảnh của chư Thiên và bốn Định hiện tiền, phân làm hai phần. Chấp thọ, là thân tâm chấp thọ nhưng mà tu hành theo nghĩa.

Trong phần luận về kiết tường cũng có bốn đoạn. Khi nhật thực, nguyệt thực, như vậy sự không kiết tường, làm việc không thành, nếu tùy thuận theo đó mà tinh khiết ân cần cúng dường thì nhiều sự đều thành. Hưởng-khư, là “vỏ trái bầu” đã nói trong đoạn trước. “Chỉ thấy mặt trời, mặt trăng cho đến chúng sinh quả báo Tịnh nghiệp và Bất tịnh nghiệp thành thực”, là khi gặp nhật thực nguyệt thực, thì nghiệp thiện nghiệp ác của chúng sinh thành thực, tùy chỗ thích đáng mà được quả. “Thấy ác quả”, là do không tùy thuận mặt trời mặt trăng mà chiêu cảm bất kiết tường. “Thấy thiện quả”, là do tùy thuận mặt trời mặt trăng mà đạt được Thiện quả này, tự mình đã tin rồi, thì cũng vì người khác mà nói. “Nếu mặt trời mặt trăng... chỗ người tạo tác hiện thấy hết tuổi thọ mà tạo tác phước nghiệp, phi phước nghiệp...”, là hiện thấy thế gian có tạo thiện nghiệp, thì hiện đạt được thiện quả, có tạo ác nghiệp, thì hiện đạt được ác quả. Nếu do mặt trời mặt trăng... tạo tác thì sự này không thành, vì trái với sự hiện tại. Từ trên đến đây phá kế chấp, đều có Tỷ lượng, sợ văn dài nên không thuật, các bậc Hữu học, mỗi mỗi nên tự xét.
